

Số: 447/TB-HV

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2018

**THÔNG BÁO****TUYÊN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2018**

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGD&ĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ Đợt 2 năm 2018. Cụ thể như sau:

**I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:**

Đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo.

**II. HÌNH THỨC, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO:****1. Hình thức và thời gian đào tạo:**

- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: từ 1,5 đến 2,0 năm (theo từng chuyên ngành)

**2. Địa điểm đào tạo:**

*Tại Phía Bắc:* Cơ sở đào tạo tại Hà Nội

*Địa chỉ trang Web Khoa* Km10 đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội

*Lưu.* 5-7-18 *Lek* Điện thoại: 024.33512254; Fax: 024.33829236

*Tại Phía Nam:* Cơ sở đào tạo tại TP. Hồ Chí Minh

Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38297220; Fax: 028.38295092

**III. CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO, MÔN THI TUYỂN VÀ CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO:**

Chuyên ngành đào tạo	Mã số	Môn thi tuyển			Chỉ tiêu (Dự kiến)
		Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ	
Kỹ thuật viễn thông	8520208	Toán cao cấp	Lý thuyết mạch	Tiếng Anh	177
Kỹ thuật điện tử	8520203				
Hệ thống thông tin	8480104	Toán rời rạc	Kỹ thuật lập trình		
Khoa học máy tính	8480101				
Quản trị kinh doanh	8340101	Toán kinh tế	Kinh tế học	43	

**Ghi chú:** Tại Cơ sở Phía Nam, Học viện tổ chức tuyển sinh và đào tạo 4 chuyên ngành: Kỹ thuật viễn thông, Kỹ thuật điện tử, Hệ thống thông tin và Quản trị kinh doanh.

**PHỤ LỤC I**

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6  
KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 417/TB-HV ngày 19/6/2018 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)*

**TIẾNG ANH**

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	IELTS	TOEFL	TOEIC	CAMBRIDGE EXAM	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4,5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1
Tổ chức cấp chứng chỉ	- British Council (BC); - International Development Program (IDP)	- Educational Testing Service (ETS), hoặc trung tâm IIG, IIE được ETS ủy quyền		- Các cơ sở của nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận			- Trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận

(Ghi chú: Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được.

Trong trường hợp Học viện không xác định được rõ Tổ chức cấp chứng chỉ Quốc tế, thì Học viện yêu cầu thí sinh tham gia thi)

**PHỤ LỤC II**

**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 447/TB-HV ngày 19/6/2018 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)*

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần / khác và các môn học Bổ sung kiến thức		
				Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức	Số tiết
1	Kỹ thuật viễn thông  Mã chuyên ngành: 8520208	Kỹ thuật điện tử viễn thông (hoặc Kỹ thuật điện tử, truyền thông)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vô tuyến điện và thông tin liên lạc;</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông (<i>Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông</i>);</li> <li>- Điện tử thông tin;</li> <li>- Chỉ huy Kỹ thuật viễn thông;</li> <li>- Các chuyên ngành về điện tử viễn thông, kỹ thuật thông tin, kỹ thuật viễn thông của các trường đại học khác;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông của Học viện <i>dưới 10%</i> tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<b>Nhóm 1:</b>	<b>Nhóm 1:</b>	
				- Kỹ thuật rada dẫn đường	1. Truyền dẫn số	30
				- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2. Cơ sở kỹ thuật thông tin quang	30
				- Kỹ thuật điện, điện tử	3. Cơ sở kỹ thuật thông tin vô tuyến	30
				- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4. Cơ sở kỹ thuật mạng truyền thông	30
				- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		
				- Kỹ thuật điện tử		
				- Kỹ thuật cơ điện tử		
				- Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử		
				- Điện tử tin học		
				- Vật lý vô tuyến		
				<b>Nhóm 2:</b>	<b>Nhóm 2:</b>	
				- Kỹ thuật máy tính	<i>Ngoài 4 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 2 môn sau:</i>	
				- Công nghệ kỹ thuật máy tính		
				- Công nghệ thông tin	1. Tín hiệu và hệ thống	30
				- Khoa học máy tính	2. Lý thuyết thông tin	30
				- Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu		
				- Kỹ thuật phần mềm		
				- Hệ thống thông tin		
				- Tin học		
- An toàn thông tin						
- Tin học ứng dụng						
- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên trong Nhóm 1, 2 nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông của Học viện <i>từ 10-40%</i> tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành						

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần / khác và các môn học Bổ sung kiến thức		
				Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức	Số tiết
2	Kỹ thuật Điện tử  Mã chuyên ngành: 8520203	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử Kỹ thuật điện, điện tử	- Các ngành/ chuyên ngành về Điện tử, Kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Điện, điện tử của Học viện <i>dưới 10%</i> tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	Nhóm 1:	Nhóm 1:	
				- Kỹ thuật Điều khiển, tự động hóa	1. Kỹ thuật vi xử lý	45
				- Công nghệ kỹ thuật Điều khiển, tự động hóa	2. Công nghệ phát thanh truyền hình số	30
				- Kỹ thuật Cơ điện tử	3. Lý thuyết thông tin	30
				- Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	4. Lý thuyết trường và siêu cao tần	45
				Nhóm 2:	Nhóm 2:	
				- Kỹ thuật máy tính	1. Lý thuyết trường và siêu cao tần	45
				- Công nghệ kỹ thuật máy tính	2. Cơ sở điều khiển tự động	45
				- Công nghệ thông tin	3. CAD/CAM	30
				- Khoa học máy tính	4. Điện tử công suất	30
				- Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu		
				- Công nghệ, kỹ thuật điện tử viễn thông		
				- Kỹ thuật điện tử, viễn thông		
				- Hệ thống thông tin		
				- Vật lý kỹ thuật		
				- Vật lý học		
				- Kỹ thuật y sinh		
- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên trong Nhóm 1, 2 nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Điện, điện tử của Học viện từ <i>10-40%</i> tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành						

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần / khác và các môn học Bổ sung kiến thức		
				Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức	Số tiết
3	<b>Hệ thống thông tin</b> Mã chuyên ngành: 8480104;  <b>Khoa học máy tính</b> Mã chuyên ngành: 8480101;	- Hệ thống thông tin	- Công nghệ thông tin; - Kỹ thuật phần mềm; - An toàn thông tin; - Kỹ thuật máy tính; - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; - Tin học; - Tin học ứng dụng; - Các chuyên ngành về: Công nghệ thông tin, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính, tin học, khoa học tính toán, kỹ thuật tính toán của các trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin ( <i>chuyên ngành Hệ thống thông tin hoặc Khoa học máy tính</i> ) của Học viện <i>dưới 10%</i> tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	<b>Nhóm 1:</b>	<b>Nhóm 1:</b>	
				- Toán ứng dụng	1. Cơ sở dữ liệu	30
				- Sư phạm tin học	2. Hệ điều hành	30
				- Tin học quản lý	3. Mạng máy tính	30
				- Cơ tin	4. Công nghệ phần mềm	30
				- Toán - Thống kê - Tin học		
				- Toán tin		
				- Hệ thống thông tin kinh tế		
				<b>Nhóm 2:</b>	<b>Nhóm 2:</b>	
				- Kỹ thuật điện tử, truyền thông	<i>Ngoài 4 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 2 môn sau:</i>	
		- Kỹ thuật điện tử viễn thông	1. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	40		
		- Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	2. Kiến trúc máy tính	30		
		- Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông				
		- Điện tử tin học				
		- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa				
		- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa				
		- Kỹ thuật điện, điện tử				
		- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử				
		- Kỹ thuật điện tử				
		- Kỹ thuật rada dẫn đường				
- Kỹ thuật cơ điện tử						
- Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử						
- Vật lý vô tuyến						
- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên trong Nhóm 1, 2 nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin ( <i>chuyên ngành Hệ thống thông tin hoặc Khoa học máy tính</i> ) của Học viện <i>từ 10-40%</i> tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành						

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần / khác và các môn học Bổ sung kiến thức		Số tiết
				Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức	
4	Quản trị kinh doanh  Mã chuyên ngành: 8340101	Quản trị kinh doanh	<p>- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; - Quản trị khách sạn; - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; - Kinh doanh thương mại; - Các chuyên ngành về Quản trị kinh doanh của trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành đào tạo thuộc Nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị - Quản lý theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của Học viện dưới 10% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</p>	<p><b>Nhóm 1 (Ngành gần):</b> - Các ngành/chuyên ngành thuộc Nhóm ngành Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT; - Hoặc các ngành/chuyên ngành có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Học viện từ 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</p>	<p><b>Nhóm 1:</b> 1. Marketing căn bản; 2. Quản trị học; 3. Quản trị chiến lược; 4. Quản trị sản xuất; 5. Quản trị tài chính; 6. Quản trị nhân lực.</p>	30 40 30 30 30 30
				<p><b>Nhóm 2 (Ngành khác):</b> Các ngành Công nghệ, Kỹ thuật, Khoa học tự nhiên, Kiến trúc, Xây dựng, Môi trường, Nông - lâm nghiệp, Pháp luật, Chính trị, Du lịch, Quân sự, An ninh.</p>	<p><b>Nhóm 2:</b> <i>Ngoài 6 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 6 môn sau:</i> 1. Kinh tế vi mô 1; 2. Kinh tế vĩ mô 1; 3. Tài chính tiền tệ; 4. Kinh tế lượng; 5. Luật kinh tế; 6. Nguyên lý kế toán.</p>	40 40 30 40 30 40